

Số: /KH-UBND

Cẩm Thành, ngày tháng 12 năm 2023

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn xã Cẩm Thành

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

Trong năm 2023, hoạt động Chuyển đổi số đã được các cấp ủy đảng, chính quyền trên địa bàn xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt được những kết quả quan trọng. Nhận thức về Chuyển đổi số của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Việc chuyển đổi các hoạt động quản lý nhà nước từ phương thức truyền thống sang ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ văn bản giấy sang môi trường số được đẩy mạnh và đạt kết quả bước đầu rất đáng trân trọng; nhiều sản phẩm, dịch vụ thiết thực được đưa ra phục vụ kịp thời, hiệu quả người dân, doanh nghiệp.

Hạ tầng công nghệ thông tin, các nền tảng số tiếp tục được phát triển ở từ cấp xã đến cấp thôn, đáp ứng cơ bản nhu cầu Chuyển đổi số. Hạ tầng mạng viễn thông, Internet được phủ rộng khắp trên địa bàn xã.

Dịch vụ công trực tuyến được triển khai ngày càng hiệu quả, sâu rộng, cung cấp 250 dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình phục vụ các cá nhân, tổ chức thực hiện các TTHC một cách nhanh chóng và thuận tiện.

Việc phát triển kinh tế số, xã hội số được quan tâm, nhiều doanh nghiệp tích cực tham gia Chuyển đổi số. Thuế điện tử, hóa đơn điện tử được phổ cập. Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt cao. Người dân tích cực sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trong các hoạt động kinh tế, xã hội.

Công tác phối hợp, tổ chức thực hiện hoạt động Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị. Hoạt động Chuyển đổi số đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn xã.

UBND xã Cẩm Thành báo cáo kết quả thực hiện chương trình chuyển đổi số năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 về việc thực hiện chuyển đổi số như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẠT RA NĂM 2023

Thực hiện đánh giá các mục tiêu đạt được năm 2022 theo Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2022; Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 21/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 176/QĐUBND ngày 10/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về

giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số của Bộ chủ quản; Kế hoạch số 127/KH-UBND, ngày 23/10/2021 của UBND huyện Cẩm Thủy về việc chuyển đổi số trên địa bàn huyện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 17/02/2022 của UBND xã Cẩm Thành về việc chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Cẩm Thành.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Nhận thức số

1.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Việc tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số được triển khai tại các Hội nghị, giao ban; hội nghị trực tuyến từ cấp xã tới cấp thôn.

Trong năm 2023 đã tham gia 5 hội nghị, hội thảo, tập huấn về chuyển đổi số do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức. Tham gia tập huấn 05 lớp chuyển đổi số cho ban chỉ đạo số xã và tổ chuyển đổi số cộng đồng trên toàn xã do UBND huyện tổ chức. Tổ giúp việc xã, chuyển đổi số cộng đồng các thôn trên địa bàn xã, tham gia khóa bồi dưỡng phổ cập kỹ năng số cộng đồng đến thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng và hướng dẫn người dân cùng tham gia.

Số tin, bài về chuyển đổi số đăng trên trang/cổng thông tin điện tử của xã là 72 tin bài (Số liệu tính từ 01/01 đến 04/12/2023); Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã có 52 tin bài. Đồng thời tiếp sóng các chương trình của đài truyền thanh huyện, đài PTTH tỉnh và Đài tiếng nói việt nam.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số bộ phận cán bộ và Nhân dân vẫn còn xem nhẹ công tác chuyển đổi số, chưa quan tâm nhiều chương trình chuyển đổi số.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Được sự quan tâm của Đảng ủy, UBND, MTTT và các đoàn thể cấp xã và cấp ủy, ban thôn, Ban công tác Mặt trận, các đoàn thể cấp thôn trên địa bàn xã đã có những sáng kiến bài học hay như: Mô hình Camera an ninh được thực hiện tốt, hiện nay trên địa bàn xã có 45 điểm lắp đặt Camera, có 45 Camera giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông, thiết bị đầu ghi chuyên dụng camera IP 64 kênh DAHUA NVR5864KS2 (hỗ trợ 8 ổ cứng) được lắp đặt tại trụ sở Công an xã để quản lý theo quy định.

b) Tồn tại, hạn chế:

Công tác tuyên truyền về những sáng kiến chưa được thực hiện thường xuyên và liên tục.

2. Thẻ chế số

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch của cấp chính quyền về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 17/02/2022 về việc chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Cẩm Thành; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 07/4/2022 về Truyền thông thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 142 KH/UBND ngày 25/11/2022 về việc Triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn xã Cẩm Thành; kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 03/03/2023 về việc Thực hiện tuyên truyền chuyển đổi số trên địa bàn xã Cẩm Thành năm 2023; Quyết định số 162/QĐ-UBND, ngày 05/12/2023 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số xã Cẩm Thành; Quyết định số 166/QĐ-BCĐ ngày 06/12/2023 về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã Cẩm Thành; Quyết định số 165/QĐ-BCĐ, ngày 06/12/2023 về việc kiện toàn Tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã Cẩm Thành; Công văn số 589/UBND-VHXXH ngày 27/7/2023 về việc hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023

a) Kết quả đạt được:

Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã đã nêu cao vai trò, tinh thần trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; kịp thời đề xuất những giải pháp xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai nhiệm vụ được giao, cũng như các nhiệm vụ chuyển đổi số chung của xã. Thể hiện vai trò tiên phong của các thành viên Ban Chỉ đạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; hỗ trợ dẫn dắt, kêu gọi sự đồng hành của tổ chức, doanh nghiệp, người dân, cũng như huy động các nguồn lực xã hội cùng tham gia vào hoạt động chuyển đổi số, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong năm 2023.

b) Tồn tại, hạn chế:

Các thành viên Ban chỉ đạo chủ yếu là kiêm nhiệm, khối lượng công việc ngày càng nhiều dẫn đến việc quan tâm, chỉ đạo các đơn vị trong thực hiện chuyển đổi số còn chậm.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

Đến nay 100% các ban, ngành, các đơn vị trực thuộc ủy ban nhân dân xã đều được kết nối mạng (LAN) và Internet.

Hạ tầng trang thiết bị CNTT. Tổng số máy tính của UBND xã: 21 cái, trong đó máy tính để bàn: 19 cái, máy tính laptop: 2 cái; Máy in 20 cái; Số lượng phòng UBND xã có mạng Internet băng rộng: 19 phòng; Số lượng máy scan của UBND xã có: 03 máy; Hệ thống wifi công cộng miễn phí: Toàn xã có 11 điểm wifi công cộng miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân, trong đó: có 8 điểm wifi miễn phí tại nhà văn hóa của 8 thôn trên địa bàn; có 01 điểm wifi miễn phí tại Bộ phận một cửa UBND xã; có 01 điểm wifi miễn phí tại hội trường công sở xã; có 01 điểm wifi tại Trung tâm văn hóa, Thể thao xã. Hệ thống phòng họp trực tuyến được lắp đặt năm 2021 đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến 4 cấp. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bưu chính, viễn thông trên địa bàn xã cơ bản được đầu tư. Mạng cáp quang băng thông

rộng đã được triển khai rộng khắp đến trung tâm và các thôn trên địa bàn xã. Hạ tầng mạng thông tin di động được phủ sóng đến 100% trung tâm xã, tỷ lệ dân số được phủ sóng thông tin di động đạt 100%. Việc triển khai diện rộng các trạm BTS công nghệ băng rộng di động 3G, 4G tới 100% dân cư đã đảm bảo mức độ sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng, nhà nước và nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet chất lượng cao của các doanh nghiệp, nhân dân trên toàn xã. Hạ tầng kỹ thuật CNTT trên địa bàn xã được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng việc ứng dụng CNTT, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng của các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã; đảm bảo cung cấp dịch vụ, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Tính đến nay tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được trang bị máy tính làm việc là 100% máy tính/cán bộ. 100% các cơ quan, đơn vị cấp xã đã có mạng LAN nội bộ và kết nối mạng Internet tốc độ cao phục vụ công tác. Hệ thống Hội nghị truyền hình: Hiện có 02 điểm cầu hội nghị truyền hình trực tuyến (01 điểm cầu tại phòng họp tầng 2 UBND xã và 01 điểm cầu tại hội trường Trung tâm văn hóa Thể thao xã) đang phát huy hiệu quả, tạo môi trường hội họp hiện đại, thuận tiện, tiết kiệm chi phí, tiết kiệm thời gian, đảm bảo triển khai các cuộc họp nhanh chóng, nhất là trong các tình huống khẩn cấp như phòng chống dịch bệnh, bão lụt, thiên tai....

b) Tồn tại, hạn chế:

Hạ tầng CNTT chưa được đầu tư đồng bộ. Hạ tầng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo mật thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu về bảo mật, về cấp độ theo quy định.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

Hiện nay, việc triển khai các ứng dụng CNTT tại các ngành, đơn vị trong xã đã có nhiều chuyển biến tích cực; ngoài việc triển khai các ứng dụng dùng chung, các ngành, đơn vị còn triển khai các ứng dụng chuyên ngành, xây dựng hệ thống dữ liệu riêng nhằm phục vụ công tác quản lý.

Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Triển khai sử dụng thống nhất các phần mềm quản lý trường học Vnedu, Smas, Misa; Sở liên lạc điện tử..

Lĩnh vực Y tế: Đã triển khai các phần mềm quản lý bệnh viện, các phần mềm chuyên ngành trong lĩnh vực Y tế; chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở y tế với hệ thống quản lý bảo hiểm xã hội để chi trả chế độ theo quy định.

Lĩnh vực Tư pháp: Xây dựng CSD lý lịch tư pháp và phần mềm quản lý hộ tịch; phần mềm quản lý hồ sơ công chứng; phần mềm quản lý xử lý vi phạm hành chính.

Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội: Xây dựng CSD hộ nghèo, cận nghèo và bảo trợ xã hội; CSD thông tin về hồ sơ người có công; CSD tài chính trợ cấp ưu đãi người có công...

Lĩnh vực BHXH: Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế (BHYT) cập nhật thông tin khám chữa bệnh tại 100% cơ sở khám chữa bệnh BHYT; Hệ thống cấp mã số BHXH và quản lý thẻ BHYT hộ gia đình; kết nối liên thông cơ sở dữ liệu đăng ký khai sinh Bộ Tư pháp với cơ sở dữ liệu Quốc gia về BHXH để thực hiện liên thông cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi; triển khai ứng dụng VssID..

b) Tồn tại, hạn chế: ứng dụng các phần mềm bước đầu t còn lúng túng

trong thực hiện trên các ứng dụng phần mềm.

5. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được:

Duy trì hoạt động hiệu quả các phần mềm dùng chung của Tỉnh như: Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Theo dõi nhiệm vụ, Thư điện tử công vụ, Một cửa điện tử.

Phần mềm quản lý văn bản và điều hành (phần mềm dùng chung): 100% văn bản được thực hiện trên môi trường mạng, trao đổi giữa UBND cấp xã và UBND Huyện đều thực hiện ký số. Các cán bộ, công chức, các ban, ngành kết nối liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia để gửi, nhận văn bản. Duy trì cập nhật, bổ sung đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã và đăng tải đầy đủ các lĩnh vực hoạt động, văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND trên trang/cổng thông tin điện tử xã. Các ban, ngành, công chức chuyên môn tại UBND xã thực hiện tốt các phần mềm chuyên ngành như phần mềm Quản lý người có công, bảo trợ xã hội, hộ tịch, tra cứu văn bản quy phạm pháp luật, an toàn thực phẩm, quản lý đất đai, hệ thống thư điện tử ...

Ủy ban nhân dân xã có cổng/ trang thông tin điện tử (<https://camthanh.camthuy.thanhhoa.gov.vn>) được nâng cấp, thường xuyên được đổi mới về nội dung, giao diện, hoạt động ổn định, cung cấp thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng.

Hiện nay, trong hệ thống mạng LAN, cơ quan UBND xã có thiết bị tường lửa, đang thực hiện bảo trì, vá lỗi và cài đặt phần mềm virus có bản quyền. Đến nay, hệ thống mạng an trong cơ quan chưa xảy ra tình trạng mất an toàn thông tin.

b) Tồn tại, hạn chế: các nền tảng chưa được sử dụng hết các ứng dụng trên phần mềm.

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được:

Tại UBND xã giao cho công chức Văn hóa phụ trách việc triển khai ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng đối với 8/8 thôn trên địa bàn xã.

Trong năm 2023, tham gia lớp tập huấn nâng cao nhận thức về an toàn thông tin và chuyển đổi số có 38 lượt cán bộ cấp thôn và công chức cấp xã; có 02 công chức chuyên môn (công chức văn hóa - xã hội, công chức văn phòng - Thống kê xã) tham gia lớp tập huấn công nghệ thông tin điện tử của xã.

b) Tồn tại, hạn chế:

UBND xã chủ yếu là công chức kiêm nhiệm phụ trách công nghệ thông tin nên nhiều khi chưa cập nhật kịp các ứng dụng phần mềm khi triển khai thực hiện.

7. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

Triển khai thực hiện các văn bản của tỉnh, sở Thông tin và Truyền thông và của huyện về bảo đảm an toàn thông tin mạng. UBND xã đã ban hành Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 11/12/2022 về ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của UBND xã

Cẩm Thành; Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 13/3/2023 về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã Cẩm Thành năm 2023; Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 về phân công công chức kiêm nhiệm về công tác chuyên đổi số và an toàn thông tin mạng; Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 02/10/2023 về thực hiện bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã Cẩm Thành; Hiện nay UBND xã Cẩm Thành đã được sở Thông tin truyền thông Thanh Hóa ban hành Quyết định số 605/QĐ-UBND, ngày 19/12/2022 về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ tại UBND xã Cẩm Thành.

Công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng được tăng cường và triển khai đồng bộ, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; Công dịch công tình; hệ thống một cửa điện tử cấp xã; hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc (TD-Office).

b) Tồn tại, hạn chế:

Thiếu các trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin mạng; các hệ thống thông tin còn tồn tại lỗ hổng bảo mật, tiềm ẩn nguy cơ gây mất dữ liệu, lây nhiễm các phần mềm độc hại ảnh hưởng đến ứng dụng và phát triển CNTT. Chưa có một hệ thống hoàn chỉnh trong việc giám sát, phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công trên diện rộng vào các hệ thống thông tin trên địa bàn xã.

8. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

- Về cấp chứng thư số cá nhân cho người có thẩm quyền ký văn bản.

100% các đồng chí lãnh đạo, người có thẩm quyền ký văn bản của UBND xã đã được cấp chứng thư số.

100% cán bộ, công chức chuyên môn cấp xã và các cơ quan có liên quan đã được cấp hộp thư công vụ cá nhân.

100% cán bộ, công chức cấp xã được cấp thiết bị ký số cá nhân thuộc 25 dịch vụ công thiết yếu.

100% các đồng chí lãnh đạo các trường học trên địa bàn xã, người có thẩm quyền ký văn bản đã được cấp chứng thư số.

Về thực hiện sử dụng Phần mềm QLVB và HSCV trên phần mềm TDOoffice. (số liệu tính từ ngày 09/3/2020 đến ngày 30/11/2023).

UBND xã đã thực hiện trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử.

Tỷ lệ văn bản đi có ký số cơ quan trên văn bản điện tử đạt 100 %.

Tỷ lệ văn bản đi có ký số lãnh đạo trên văn bản điện tử đạt 100 %.

Kết quả xử lý, ký số văn bản điện tử trên môi trường mạng.

Tổng số văn bản đến trên hệ thống TDOoffice là 8245 văn bản, trong đó: (năm 2020 có 1073 văn bản; năm 2021 có 2609 văn bản; năm 2022 có 2415 văn bản; tính đến 30/11/2023 có 2148 văn bản).

Tổng số văn bản gửi đi trên hệ thống TDOoffice là 7515 văn bản, trong đó: (năm 2020 có 1963 VB; năm 2021 có 1766 VB; năm 2022 có 1941 VB; tính đến 30/11/2023 có 1845 VB)

Thực hiện triển khai đưa vào sử dụng phòng họp không giấy Hệ thống

phòng họp trực tuyến được lắp đặt năm 2021 đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến 4 cấp.

Đến 30/11/2023, tổng số hồ sơ tiếp nhận qua Cổng dịch vụ công DVC trực tuyến một phần là 505 hồ sơ; Số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận DVC trực tuyến toàn phần: 278 hồ sơ.

Tổng số TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3, qua Cổng dịch vụ công và phần mềm một cửa trên địa bàn xã là: 502 hồ sơ đạt 64%

Tổng số TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 4, qua Cổng dịch vụ công và phần mềm một cửa trên địa bàn xã là: 278 hồ sơ đạt 36 %

Hệ thống Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh và phần mềm Một cửa điện tử hoạt động ổn định, hiệu quả, công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần đẩy mạnh CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Trang thông tin điện tử của xã, các ứng dụng trên điện thoại thông minh thường xuyên cập nhật thông tin, từ đó giúp tăng cường công tác, chỉ đạo, điều hành và tương tác giữa chính quyền với người dân...

Duy trì hiệu quả kênh giao tiếp với người dân thông qua hệ thống Zalo OA.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Về cơ sở vật chất tại bộ phận một cửa của xã. bố trí phòng một cửa chưa hợp lý, diện tích phòng họp chưa đảm bảo theo quy định.

- Việc thực hiện tiếp nhận, xử lý, giải quyết hồ sơ TTHC trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử đạt tỷ lệ chưa cao.

- Việc tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích còn hạn chế, do công dân chưa quen với việc thực hiện gửi và nhận hồ sơ qua dịch vụ Bưu chính.

- Công chức làm công tác kiểm soát TTHC của xã làm việc kiêm nhiệm, thực hiện nhiều nhiệm vụ, kiểm soát TTHC chưa được tập huấn chuyên sâu, ảnh hưởng đến kết quả kiểm soát TTHC của đơn vị.

9. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được:

UBND xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các chủ thể (Doanh nghiệp, HTX, Chủ hộ sản xuất kinh doanh) tham gia Chương trình OCOP; tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình OCOP và ban hành cơ chế hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn.

b) Tồn tại, hạn chế:

Các chủ thể doanh nghiệp, chủ hộ sản xuất kinh doanh chưa thực sự năng động, chủ động trong việc kết nối, tìm hướng đầu ra cho sản phẩm, chưa quảng bá sâu rộng sản phẩm của mình trên các phương tiện, truyền thông, quảng cáo,...

- Cơ sở hạ tầng đầu tư cho sản xuất, chế biến chưa đạt yêu cầu đề ra.

- Các sản phẩm tiềm năng, sản phẩm lợi thế của địa phương không có nhiều, chủ yếu là các sản phẩm thô chưa qua sơ chế, chế biến, bảo quản.

- Các sản phẩm chưa đạt yêu cầu để đưa lên sàn thương mại điện tử postmart và voso.vn

Do vậy tính đến thời điểm này xã Cẩm Thành chưa có sản phẩm OCOP.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

Việc thực hiện phát triển xã hội số, xã đã triển khai các phần mềm trong hệ sinh thái giáo dục thông minh như: phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, cài đặt các ứng dụng vnEdu Teacher, vnEdu Connect để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh cập nhật thông tin, tương tác giữa nhà trường, gia đình và xã hội, có 2/2 trường (TH, THCS) sử dụng các dịch vụ trên;

Đến thời điểm hiện tại đã cấp được 5909 căn cước gắn chip, số lượng công dân có tài khoản định danh điện tử 3334, trong đó đã kích hoạt 2471, chưa kích hoạt 863 tài khoản, đảm bảo lộ trình thực hiện đề án số 06; Có 45 điểm, 45 mắt lắp trên trục quốc lộ 217, trên các trục đường của 8 thôn và tại trung tâm UBND xã để giám sát, hỗ trợ bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn xã.

Toàn xã có 11 điểm wifi công cộng miễn phí phục vụ người dân truy cập Internet, trong đó: có 8 điểm wifi miễn phí tại nhà văn hóa của 8 thôn trên địa bàn; có 01 điểm wifi miễn phí tại Bộ phận một cửa UBND xã; có 01 điểm wifi miễn phí tại hội trường công sở xã; có 01 điểm wifi tại Trung tâm văn hóa, Thể thao xã.

Số doanh nghiệp, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử trên địa bàn xã 8 doanh nghiệp.

Số người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn, ngân hàng MB quân đội, ngân hàng vietcombank là: 1967 tài khoản.

11. Kinh phí

Kinh phí dành cho các hoạt động chi thường xuyên về CNTT: hàng năm 35,540,000 đồng.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2024

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Nghị quyết số 214/2022/HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND về ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/5/2022 về phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số và xã hội số;

Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy mạnh bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Quyết định số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng

đến năm 2030;

Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025;

Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Chương trình số 54/CTr-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Truyền thông thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng quốc gia về quản trị và kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch hành động số 63- KH/HU ngày 14/04/2022 của Huyện ủy Cẩm Thủy về thực hiện Nghị quyết số 06- NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện;

Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 11/02/2022 về việc Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Cẩm Thủy;

Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 17/02/2022 về việc chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Cẩm Thành.

Theo hướng dẫn của Công văn số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông và các văn bản liên quan Ủy ban nhân dân xã Cẩm Thành xây dựng kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024, cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU

Chú trọng phát triển, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền số, góp phần phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm đổi mới căn bản, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức; bảo đảm an toàn thông

tin, an ninh mạng và an toàn dữ liệu trên địa bàn xã

- Chuyển đổi số tổng thể và toàn diện từ cơ quan nhà nước, đến người dân, doanh nghiệp về phương thức sản xuất, đời sống sinh hoạt, cách thức lao động dựa trên công nghệ số.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

1.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Mời Bí thư Đảng ủy hoặc Chủ tịch UBND xã tham dự đầy đủ hội nghị chuyển đổi số cấp huyện, cấp tỉnh. Tổ chức 07 hội nghị cấp xã về chuyển đổi số của huyện, tỉnh Bí thư đảng ủy hoặc Chủ tịch UBND xã.

- Tổ chức các chương trình tuyên truyền, cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, cấp thôn tham gia các lớp tập huấn về chuyển đổi số, công nghệ số.

Trang/cổng thông tin điện tử của xã có số lượng tin bài trong năm đạt từ 23 đến 50 tin bài.

Tần suất Đài truyền thanh xã phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số đạt 6 lần/tháng.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Thường xuyên chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số trên địa bàn, trên kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia trên zalo và trên trang Câu chuyện Chuyển đổi số (<https://t63.mic.gov.vn>) trên các nhóm zalo của cơ quan, đơn vị và tổ công nghệ số cộng đồng.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số” trên Zalo

100% cán bộ công chức, viên chức cấp xã và các đơn vị trên địa bàn xã tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác. Việc tham gia chỉ đơn giản bằng cách sử dụng Zalo và thực hiện quét mã QR, theo hướng dẫn của phòng Văn hóa và Thông tin huyện.

2. Thể chế số

- Kiện toàn, hoàn thiện bổ sung Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã, nêu rõ trách nhiệm của từng thành viên BCD trong việc chuyển đổi số ngành, lĩnh vực.

- Ban hành 01 kế hoạch hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT).

- Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên chuyển đổi số (SMEdx).

- Tiếp tục quán triệt thực hiện đầy đủ nghiêm túc các văn bản của Trung ương, của tỉnh, của huyện về Chuyển đổi số.

- Xây dựng và ban hành quy định về việc phát triển hạ tầng thông tin cho chính quyền số, đảm bảo việc xây dựng, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin của chính quyền số tương thích với khung công nghệ và các nguyên tắc xây dựng chính quyền số.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch gắn với chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp thực hiện các giao dịch điện tử, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng công nghệ, dịch vụ thông minh vào cuộc sống để nâng cao chất lượng sinh hoạt, học tập và làm việc.

- Đẩy mạnh thực hiện hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo

hướng dẫn tại Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Hạ tầng số

100% tỷ lệ cán bộ CBCC, VC được trang bị máy tính phục vụ công việc (gồm cả máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)

100% tỷ lệ máy tính có kết nối Internet băng rộng (trừ các máy tính xử lý tài liệu mật theo quy định)

UBND xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

100% tỷ lệ các thôn trên địa bàn được phủ sóng di động 4G/5G.

100% tỷ lệ xã, phường, thị trấn có hạ tầng mạng băng rộng cáp quang bao phủ 80% tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh

100% hệ thống Camera an ninh trên địa bàn kết nối về Công an xã để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành an toàn xã hội, an toàn giao thông ...

100% triển khai các hệ thống Wifi công cộng miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân và du khách tại các điểm công cộng (như các điểm nhà văn hóa thôn, tại bộ phận một cửa, nhà hội trường của xã ...)

UBND xã có hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến, đã triển khai hệ thống phòng họp không giấy tờ.

4. Dữ liệu số.

- Hoàn thành 100% các dữ liệu số trên địa bàn đã và đang thực hiện theo chủ trương của Trung ương, các bộ ban ngành và của tỉnh như: Hệ thống QLVB và HSCV, hệ thống một cửa điện tử, dữ liệu định danh điện tử, dữ liệu đất đai, dữ liệu BTXH, hộ tịch, hồ sơ sức khỏe điện tử, BHYT...

- Phối hợp với các ngành cấp trên trong việc rà soát, cập nhật, bổ sung các dữ liệu vào các cơ sở dữ liệu theo ngành, lĩnh vực.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu của tỉnh và của quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0 của tỉnh.

- Triển khai hiệu quả công tác số hoá hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (GSP).

5. Nền tảng số

- Đảm bảo hoàn thành 100% các nhiệm vụ triển khai, xây dựng và phát triển nền tảng số do cấp tỉnh, cấp bộ triển khai: Nền tảng dịch vụ đám mây; Nền tảng giáo dục trực tuyến ...

- Tích cực, chủ động đầu mối, phối hợp với các cơ quan chủ quản nền tảng số đã được UBND tỉnh định hướng tại công văn số 8908/UBND-CNTT ngày 21/6/2022 và Sở Thông tin và Truyền thông để tổ chức triển khai sử dụng.

- Triển khai nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) phục vụ giám sát, cảnh báo; chỉ đạo, điều hành; phân tích và xử lý dữ liệu; quản lý chỉ số hiệu suất (KPIs); quản lý quy trình nghiệp vụ; báo cáo thống kê; mô phỏng và dự báo. Giúp lãnh đạo có khả năng giám sát, điều hành, hỗ trợ chỉ huy và quản lý một cách tổng thể với việc ứng dụng các công nghệ phân tích dữ liệu hoặc trí tuệ

nhân tạo; mang đến hiệu quả, cơ hội phát triển các ngành, lĩnh vực và kinh tế - xã hội.

6. Nhân lực số

Xây dựng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số xã; Tổ công nghệ số cộng đồng của các thôn trên địa bàn xã.

100% UBND xã xây dựng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã

100% các thôn trên địa bàn có tổ công nghệ số cộng đồng.

100% Công chức kiêm nhiệm về chuyển đổi số

100% Công chức kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng, tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số

50% các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).

7. An toàn thông tin mạng

100% các cơ quan nhà nước cấp xã đảm bảo kết nối qua mạng truyền số liệu chuyên dùng.

100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

Tối thiểu 90% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ.

100% trường tiểu học, THCS được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.

8. Chính quyền số

Trang thông tin điện tử của xã đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.

100% hồ sơ xử lý trực tuyến

100% mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT

Triển khai nền tảng hợp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc và đến từng thiết bị cá nhân.

100% lãnh đạo xã được cấp chứng thư số

100% CBCC cấp xã được cấp chứng thư số

100% Văn bản điện tử được ký số của cơ quan, đơn vị ban hành văn bản

100% Văn bản điện tử được ký số của người có thẩm quyền

100% CBCC xã được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ

Triển khai số hóa, xây dựng CSD chuyên ngành

Thực hiện kiểm tra các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý thường xuyên.

9. Kinh tế số

10% Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh (DN) tiếp cận, tham gia chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEdx)

50% Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số

80% Doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử

Điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định.

5% Số hộ sản xuất nông nghiệp (SXNN), doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia

sản thương mại điện tử.

100% Sản phẩm OCOP, sản phẩm thế mạnh của địa phương đưa lên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart.

10. Xã hội số

Xác định những nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra của địa phương, bảo đảm phù hợp với nội dung về phát triển xã hội số nêu tại Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- 50% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử.
- 30% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử.
- 50% tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh

Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền trên kênh trực tuyến.

III. GIẢI PHÁP

1. Xây dựng hạ tầng số

- Rà soát hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước, đề xuất đầu tư, thay thế, sửa chữa hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho cán bộ, công chức.

- Triển khai kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đến toàn bộ cơ quan nhà nước cấp xã, đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước cấp xã.

- Triển khai lắp đặt hệ thống camera an ninh, đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông phát triển hệ thống mạng internet băng rộng.

2. Hoạt động Chính quyền số

- Rà soát, đánh giá nâng cao chỉ tiêu tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên cổng dịch vụ công; khảo sát lấy ý kiến hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Đề xuất với phòng Văn hóa Thông tin huyện cấp, hướng dẫn thư điện tử công vụ cho CB, CC cấp xã.

- Tiếp tục thực hiện tốt hệ thống một cửa điện tử, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

- Rà soát, đề nghị Viễn thông Thanh Hóa nâng cấp trang thông tin điện tử của xã nhằm tăng khả năng cung cấp thông tin và tạo kênh giao tiếp linh động với người dân, đảm bảo hoạt động của trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.

3. Hoạt động Kinh tế số

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.

- Các ban, ngành, đơn vị phối hợp lựa chọn các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông sản tiêu biểu, có quy mô của địa phương đưa lên sàn thương mại điện tử VOSO, POSTMART.

- Rà soát các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh định hướng ứng dụng các công nghệ số trong hoạt động quản lý, bán hàng, hoạt động quảng bá sản phẩm.

- Rà soát hoạt động thương mại trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội của các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh để định hướng, hỗ trợ đẩy mạnh hoạt động thương mại trên môi trường mạng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân sử dụng các kênh thanh toán không dùng tiền mặt để giao dịch trực tuyến.

4. Hoạt động Xã hội số

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn cho nhân dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã được thông tin, phổ biến, đào tạo về các dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ số.

- Rà soát, đánh giá để nâng cao tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác để đẩy mạnh tạo tài khoản thanh toán điện tử cho người dân.

- Rà soát tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại thông minh, đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh để sử dụng, ứng dụng công nghệ số.

- Phối hợp với ngành y tế, hướng dẫn người dân đăng ký hồ sơ sức khỏe điện tử, nhằm số hóa dữ liệu sức khỏe của nhân dân trong việc theo dõi và hỗ trợ khám, chữa bệnh.

5. Bảo đảm an toàn thông tin

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn bố trí phần kinh phí tự chủ trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền; 100% máy tính được cài đặt phần mềm virus có bản quyền; đầu tư ổ cứng có dung lượng lớn để hằng năm sao lưu các dữ liệu hồ sơ, văn bản quan trọng đảm bảo an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu.

- Hướng dẫn CB, CC, VC, NLD và Nhân dân trên địa bàn đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình sử dụng thiết bị công nghệ, tham gia mạng xã hội một cách an toàn, phòng chống việc lộ lọt thông tin cá nhân, tài khoản.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và các nguồn hợp pháp khác. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên về ứng dụng Công nghệ thông tin trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện kế hoạch.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Văn hóa - xã hội.

- Tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo UBND xã tiến độ thực hiện và đề xuất các giải pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành cấp xã, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, các doanh nghiệp liên quan thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, xây dựng các cơ chế, chính sách trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Có trách nhiệm phối hợp với các ban, ngành liên quan thường xuyên tổ chức đánh giá hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số đã được triển khai trên địa bàn xã báo cáo UBND xã và Phòng VHTT huyện.

2. Công chức Văn phòng UBND xã.

- Vận hành, bảo trì, nâng cấp các hệ thống: Mạng LAN, Internet, trang thiết bị máy tính, máy văn phòng, hệ thống hội nghị trực tuyến cấp xã, hệ thống phòng họp không giấy E-cabinet, các ứng dụng CNTT trong hệ thống công nghệ thông tin UBND xã.

- Đảm bảo thực hiện tốt các ứng dụng do tỉnh triển khai, phát triển hạ tầng số, xây dựng chính quyền số.

- Thực hiện tốt hệ thống một cửa điện tử, các dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo vượt chỉ tiêu tỉnh giao về tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 tỉnh giao hàng năm.

3. Công chức Tài chính - Kế toán

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện đảm bảo ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ về chuyển đổi số trên địa bàn xã theo kế hoạch hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tham mưu cho UBND xã quyết định các cơ chế chính sách huy động các nguồn vốn về chuyển đổi số từ các nhà đầu tư.

4. Các ban, ngành, cán bộ, công chức chuyên môn, các cơ quan, đơn vị.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực, thường xuyên phối hợp với công chức Văn hóa - xã hội đề xuất giải pháp trong xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Căn cứ kế hoạch này, xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển đổi số năm 2024; đề ra chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể để hoàn thành các chỉ tiêu về chuyển đổi số cấp xã do tỉnh hướng dẫn. Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hàng quý về Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của xã, của huyện.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số xã Cẩm Thành năm 2024, yêu cầu các ban, ngành, cán bộ, công chức chuyên môn, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Phòng VHHTT huyện (Đề B/c);
- TT ĐU; HĐND; UBND xã (Đề B/c);
- Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn trên địa bàn;
- Website xã;
- Lưu VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

Bùi Tiên Dũng